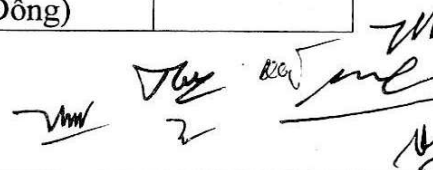


Phụ lục VII
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. DANH MỤC MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
A	Công trình cấp quốc gia			
I	Cao tốc			
1	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01): + Đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh + Đoạn Chí Thạnh - Vân Phong	Xã Xuân Lộc (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Hòa Xuân (giáp ranh tỉnh Khánh Hòa)	Cao tốc, 6 làn xe
2	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02)	Xã Ea H'leo (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Ea Na (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Cao tốc, 6 làn xe
3	Đường cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk (CT.23)	Phường Đông Hòa	Cửa khẩu Đăk Ruê, xã Ea Bung	Cao tốc, 4 làn xe
4	Đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24)	Xã Krông Á (giáp ranh tỉnh Khánh Hòa)	Xã Ea Knuéc	Cao tốc, 4 làn xe
5	Đường cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26)	Xã Krông Nô (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Xã Hòa Phú	Cao tốc, 4 làn xe
II	Quốc lộ			
1	Quốc lộ 1	Xã Xuân Lộc (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Hòa Xuân (giáp ranh tỉnh Khánh Hòa)	III, 4 làn xe
2	Quốc lộ 1D	Xã Xuân Lộc (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Xuân Cảnh	III, 2-4 làn xe
3	Quốc lộ 14C	Xã Ia Lốp (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Buôn Đôn (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	III-IV, 2-4 làn xe



STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
4	Quốc lộ 19C	Xã Xuân Lãnh (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã M'Drăk	III-IV, 2-4 làn xe
5	Quốc lộ 19E	Xã Phú Mỡ (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Giao QL19C, xã Phú Mỡ	III-IV, 2-4 làn xe
6	Quốc lộ 25	Phường Tuy Hòa	Xã Suối Trai (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	III, 2-4 làn xe
7	Quốc lộ 26	Xã Ea Trang (giáp ranh tỉnh Khánh Hòa)	Phường Tân Lập	III, 2-4 làn xe
8	Quốc lộ 27	Xã Krông Nô (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	Phường Tân Lập	III-IV, 2-4 làn xe
9	Quốc lộ 29	Giao Quốc lộ 1, khu vực Cảng Vũng Rô, xã Hòa Xuân	Cửa khẩu Đắk Ruê, xã Ea Bung	III-IV, 2-4 làn xe
10	Đường Trường Sơn Đông	Xã Ea Ly (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Krông Nô (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	III-IV, 2-4 làn xe
11	Đường Hồ Chí Minh	Xã Ea H'leo (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Xã Hòa Phú (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	III-IV, 2-4 làn xe
III	Đường ven biển			
1	Đường ven biển	Xã Xuân Lộc (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	Phía Bắc đường dẫn hầm đường bộ Đèo Cả	ĐĐT-III, 2-6 làn xe
B	Công trình cấp tỉnh			
I	Đường tỉnh phía Tây (tỉnh Đắk Lắk trước đây)			
1	ĐT.687 (Tỉnh lộ 7)	Giao QL.27 tại Km47+900	Giao với ĐT.698, xã Đắk Liêng	III, 2-4 làn xe

(Handwritten signatures and initials)

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
2	ĐT 687B (Tỉnh lộ 7B)	Giao QL.27 tại Km 84 + 600	Giao đường Trường Sơn Đông, xã Yang Mao	III, 2-4 làn xe
3	ĐT.688 (Tỉnh lộ 8)	Giao đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Ma Thuật	Giao đường Hồ Chí Minh tại xã Pong Drang	ĐT.688-III, 2-4 làn xe
4	ĐT.688B (Tỉnh lộ 8B)	Giao đường Hồ Chí Minh, xã Ea Khăl	Giao ĐT.688, xã Cư M'gar	III, 2-4 làn xe
5	ĐT.688C (Tỉnh lộ 8C)	Giao đường Hồ Chí Minh, xã Krông Búk	Giao với ĐT.688B, xã Ea Kiết	III, 2-4 làn xe
6	ĐT.688D (Tỉnh lộ 8D)	Giao ĐT.688C, xã Cư Pong	Giao ĐT.688B, xã Ea Tul	III, 2-4 làn xe
7	ĐT.688E (Tỉnh lộ 8E)	Giao ĐT.688, xã Quảng Phú	Giao ĐT.697, xã Ea Súp	III, 2-4 làn xe
8	ĐT.688F (Tỉnh lộ 8F)	Giao ĐT.688, xã Cư M'gar	Giao QL.29, xã Ea Kiết	III, 2-4 làn xe
9	ĐT.689 (Tỉnh lộ 9)	Giao QL.26, xã Krông Pắc	Giao ĐT.692, xã Krông Bông	III, 2-4 làn xe
10	ĐT.689B (Tỉnh lộ 9B)	Giao QL.26, xã Ea Kly	Giao với ĐT.692, xã Cư Pui	III, 2-4 làn xe
11	ĐT.689C (Tỉnh lộ 9C)	Giao ĐT.693D, xã Ea Păl	Giao QL.26, xã Ea Phê	III, 2-4 làn xe
12	ĐT.690 (Tỉnh lộ 10)	Giao QL.29, xã Krông Năng	Giao ĐT.698, xã Ea Na	ĐT.690-III, 2-4 làn xe
13	ĐT.690C (Tỉnh lộ 10C)	Giao ĐT.689, xã Dang Kang	Giao ĐT.690 tại xã Ea Ning	III, 2-4 làn xe
14	ĐT.691 (Tỉnh lộ 11)	Giao ĐT.697D, xã Ea H'leo	Giao với ĐT.697C, xã Ea Khăl	III, 2-4 làn xe
15	ĐT.691B (Tỉnh lộ 11B)	Giao QL.26 tại xã Ea Kar	Giao QL.29, xã Ea Knốp	III, 2-4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
16	ĐT.692 (Tỉnh lộ 12)	Giao QL.27 tại Km29+580	Giao đường Trường Sơn Đông, xã Yang Mao	ĐT-III, 2-4 làn xe
17	ĐT.693 (Tỉnh lộ 13)	Giao QL.26 tại Km67+800	Giao QL.29 tại Km109+700	III, 2-4 làn xe
18	ĐT 693C (Tỉnh lộ 13C)	Giao đường TSD, xã Krông Á	Giao ĐT.693D, xã Ea Păl	III, 2-4 làn xe
19	ĐT.693D (Tỉnh lộ 13D)	Giao QL.29, xã Ea Knốp	Giao ĐT.699, xã Ea Ô	III, 2-4 làn xe
20	ĐT.694 (Tỉnh lộ 14)	Giao ĐT.695, xã Ea Drăng	QL.29, xã Krông Năng	III, 2-4 làn xe
21	ĐT 694B (Tỉnh lộ 14B)	Xã Ea Hiao	Giao ĐT.699, xã Phú Xuân	III, 2-4 làn xe
22	ĐT.695 (Tỉnh lộ 15)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km1698+800	Xã Ea Hiao (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	ĐT-III, 2-4 làn xe
23	ĐT.696 (Tỉnh lộ 16)	Giao QL.29, xã Ea Kiết	Giao ĐT.697 xã Ea Wer	III, 2-4 làn xe
24	ĐT.696B (Tỉnh lộ 16B)	Giao ĐT.697 xã Ea Wer	Giao QL.14C, xã Buôn Đôn	III, 2-4 làn xe
25	ĐT 696C (Tỉnh lộ 16C)	Giao ĐT.697 xã Buôn Đôn	Xã Buôn Đôn (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	III, 2-4 làn xe
26	ĐT 696D (Tỉnh lộ 16D)	Giao ĐT.697 tại xã Ea Rók	Xã Ia Rvê, nối vào QL14C	III, 2-4 làn xe
27	ĐT.696E (Tỉnh lộ 16E)	Giao QL.14C, xã Ia Lốp	Giao ĐT.697D, xã Ea Rók	III, 2-4 làn xe
28	ĐT.696G (Tỉnh lộ 16G)	Giao QL.14C tại Km202+00	Xã Ea Rók	III, 2-4 làn xe
29	ĐT.697 (Tỉnh lộ 1)	Giao đường tránh phía Tây Buôn Ma Thuột, phường Buôn Ma Thuột	Giao ĐT.697D, xã Ea Rók	ĐT-III, 2-4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
30	ĐT 697B (Tỉnh lộ 17B)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1690+010	Giao ĐT.697 tại xã Ea Súp	III, 2-4 làn xe
31	ĐT 697C (Tỉnh lộ 17C)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1714+500	Giao ĐT.697 tại xã Ea Súp	III, 2-4 làn xe
32	ĐT 697D (Tỉnh lộ 17D)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1670+700	Xã Ea Rôk	III, 2-4 làn xe
33	ĐT.697F (Tỉnh lộ 17F)	Giao QL.26 tại Km134+600	Giao ĐT.697E, xã Ea Nuôl	III, 2-4 làn xe
34	ĐT.697E (Tỉnh lộ 5)	Giao đường tránh phía Tây Buôn Ma Thuột, phường Buôn Ma Thuột	giao ĐT.697, xã Ea Wer	ĐĐT-III, 2-4 làn xe
35	ĐT.697G (Tỉnh lộ 17G)	Giao ĐT.697, xã Ea Nuôl	Giao QL.26, xã Ea Knuéc	III, 2-4 làn xe
36	ĐT.698 (Tỉnh lộ 2)	Giao ĐT.697 (ngã ba Buôn Rê và Buôn Liêng)	Giao QL.27 tại Km74+000	ĐĐT-III, 2-4 làn xe
37	ĐT.698B (Tỉnh lộ 2B)	Giao QL27, xã Dray Bhang	Xã Krông Ana (giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	III, 2-4 làn xe
38	ĐT.698C (Tỉnh lộ 2C)	Giao đường Hồ Chí Minh, xã Hòa Phú	Giao ĐT.698, xã Ea Na	III, 2-4 làn xe
39	ĐT.698D (Tỉnh lộ 2D)	Giao ĐT.697, xã Ea Nuôl	Xã Hòa Phú	III, 2-4 làn xe
40	ĐT.699 (Tỉnh lộ 3)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1717+500	Giao ĐT.692	III, 2-4 làn xe
41	ĐT 699B (Tỉnh lộ 3B)	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1744+800	Nhánh 1 giao ĐT.691B, xã Ea Knốp Nhánh 2 giao	III, 2-4 làn xe

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
			QL26 tại Km102+100	
42	ĐT.699C (Tỉnh lộ 3C)	Giao QL.26, xã Ea Phê	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km1753+700	III, 2-4 làn xe
43	ĐT.699D (Tỉnh lộ 3D)	Giao đường Hồ Chí Minh, phường Buôn Hồ	Giao ĐT.699, xã Phú Xuân	III, 2-4 làn xe
44	ĐT.699E	Giao Quốc lộ 26, xã Ea Trang	Giao đường Trường Sơn Đông, xã Krông Á	III, 2-4 làn xe
II	Đường tỉnh phía Đông (tỉnh Phú Yên trước đây)			
1	Đường tỉnh 641	Giao đường bộ ven biển	Giao QL.19C, xã Đồng Xuân	III-IV, 2-4 làn xe
2	Đường tỉnh 642	Giao với QL.1, xã Xuân Thọ	Giao QL.19C, xã Đồng Xuân	III-IV, 2-4 làn xe
3	Đường tỉnh 643	Giao QL1, xã Tuy An Nam	Giao QL.19C, xã Vân Hòa	ĐĐT-III-IV, 2-4 làn xe
4	Đường tỉnh 644	Giao với QL.1, phường Sông Cầu	Giao ĐT.647, xã Phú Mỹ	III-IV, 2-4 làn xe
5	Đường tỉnh 645	Giao đại lộ Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên	Giao QL.29, xã Tây Hòa	ĐĐT-III, 2-4 làn xe
6	Đường tỉnh 646	Giao ĐT.647, xã Phú Mỹ	Giao QL.19C, xã Tây Sơn	III-IV, 2-4 làn xe
7	Đường tỉnh 647 (Chuyển thành QL19E)	Giao QL.19C, xã Xuân Phước	Xã Phú Mỹ (giáp ranh tỉnh Gia Lai)	III-IV, 2-4 làn xe
8	Đường tỉnh 648	Giao ĐT.643, xã Tuy An Nam	Giao ĐT.645B, xã Hòa Thịnh	ĐĐT-III-IV, 2-4 làn xe

Handwritten signatures and initials:

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối * (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
9	Đường tỉnh 649	Cầu Đồng Nai, phường Bình Kiến	Giao QL1; phường Xuân Đài	ĐĐT-III-IV, 2-6 làn xe
10	Đường tỉnh 650	Giao ĐT.641, xã Tuy An Tây	Giao QL.29, xã Đức Bình	III-IV, 2-4 làn xe
11	Đường tỉnh 645B	Giao QL.1, phường Đông Hòa	Giao QL29, xã Sơn Thành	III-IV, 2-4 làn xe
12	Tuyến nối dài ĐT.643 đến điểm kết nối với tuyến đường bộ ven biển	Giao QL1, xã Tuy An Nam	Đường ven biển, xã Tuy An Nam	III-IV, 2-4 làn xe
13	Tuyến kết nối Cảng hàng không Tuy Hòa với Quốc lộ 25 và Quốc lộ 29	Giao QL25 tại cầu Trần Hưng Đạo	Giao QL29 tại Km21+800	ĐĐT-III, 4-6 làn xe
14	Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu kinh tế Nam Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1 đi Khu kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa)	Cảng Bãi Gốc	Giao QL.1	ĐĐT, 4-6 làn xe
15	Tuyến đường kết nối tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông với Tuy Hòa và Phú Hòa	Giao đường bộ ven biển	Giao ĐT.648	ĐĐT-III-IV, 2-6 làn xe
16	Cầu và đường dẫn qua sông Ba	Xã Phú Hòa 1	Xã Tây Hòa	IV, 2 - 4 làn xe
III Đường vành đai, đường tránh và đường nối				
1	Tuyến phía Tây đô thị Buôn Ma Thuột	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1770+900	Giao đường Hồ Chí Minh tại Km 1783+186	III, 2-4 làn xe
2	Đường vành đai xã M'Đrăk (Tránh QL.26)	Giao QL.26, Km62+040	giao QL.26, Km67+530	III, 2-4 làn xe
3	Đường vành đai phía Tây xã M'Đrăk	Giao QL.26 tại Km 59+520	Giao QL.26 tại Km 67+530	III-IV, 2 làn xe
4	Đường tránh phía Bắc trung tâm xã Krông Năng	Giao QL.29 tại Km169	Giao QL.29 tại Km 173	III-IV, 2 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Điểm cuối (địa phận tỉnh Đắk Lắk)	Cấp kỹ thuật/Quy mô tối thiểu
5	Đường tránh xã Krông Năng	Giao QL.29 tại Km163	Giao ĐT.699 tại Km20	III-IV, 2 làn xe
6	Đường vành đai Phước An, xã Krông Pắc	Giao QL.26 tại Km 35	Giao QL.26 tại xã Krông Pắc	III-IV, 2 làn xe
7	Đường tránh Quốc lộ 26 qua xã Ea Kar	Giao QL.26, xã Ea Kly	Giao QL.26, xã Cư Prao	III-IV, 2 làn xe
8	Đường tránh đô thị Ea Kar phía Bắc - Nam QL26	Xã Ea Knốp	Xã Ea Kar	III-IV, 2 làn xe
9	Đường tránh QL.27 qua Lắc	Giao QL.27 tại Km 43+400	Giao QL.27 tại Km 50+00	III-IV, 2 làn xe
10	Đường tránh Cư Kuin	Giao QL.27 tại Km 6+200	Giao QL.27 tại Km 19+700	III, 2 làn xe
11	Đường tránh QL.29 Buôn Hồ	Giao QL.29 tại xã Krông Năng	Giao QL.29 tại xã Pong Drang	III, 2 làn xe
12	Đường vành đai 2 Buôn Ma Thuột	Giao Đường Hồ Chí Minh tại Km 1758+900	Giao Đường Hồ Chí Minh tại Km 1790+445	III, 2-4 làn xe
13	Đường tránh xã Quảng Phú	Giao Tỉnh lộ 8 xã Quảng Phú	Giao Tỉnh lộ 8 xã Cư M'gar	III, 2-4 làn xe
14	Các tuyến đường giao thông kết nối từ tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông			III, 2-4 làn xe
15	Các tuyến kết nối từ dự án KCN vào hệ thống đường hiện hữu			III, 2-4 làn xe
16	Các tuyến đường liên xã được xem xét nâng cấp thành đường tỉnh khi đáp ứng quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và được cấp thẩm quyền quyết định.			IV, 2 làn xe






Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, hướng tuyến, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô tối thiểu (số làn xe tối thiểu) trên toàn đoạn tuyến. Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, khu vực đông dân cư, các đoạn tuyến có quy mô hiện trạng lớn hơn quy mô quy hoạch hoặc các đoạn tuyến cần đầu tư với quy mô lớn hơn thì quy mô các đoạn tuyến này được xác định theo quy mô của quy hoạch khác có liên quan hoặc theo quy mô hiện trạng đoạn tuyến hoặc theo tính toán chi tiết trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị, qua các khu chức năng; các đoạn tuyến tránh, đoạn cần điều chỉnh cục bộ hướng tuyến sẽ được xác định theo quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch khác liên quan hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án để bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật, đồng bộ với các quy hoạch và dự án có liên quan nhưng phải đảm bảo tính kết nối.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch khác của địa phương để thực hiện.

(Handwritten signatures and initials)

II. DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)
A	Tuyến đường thủy khu vực phía Đông			
I	Tuyến đường thủy nội địa liên tỉnh			120
1	Tuyến kết nối vịnh Vũng Rô - Khu Kinh tế Vân Phong	Cảng Vũng Rô	Cầu cảng Vạn Giã	70
2	Tuyến kết nối Vịnh Xuân Đài - Vịnh Quy Nhơn	Bến du lịch Long Nam Hải	Cảng cá Quy Nhơn	50
II	Tuyến đường thủy nội địa trên sông			132
1	Tuyến du lịch trên Sông Ba	Cửa Đà Diễn	Đập Đồng Cam	36
2	Tuyến du lịch trên Sông Bàn Thạch	Cửa Đà Nông	Cầu Bến Củi - Tây Hòa	31
3	Tuyến du lịch trên Sông Kỳ Lộ	Cầu Lò Gốm, Tuy An	Cầu La Hai, Đồng Xuân	15
4	Tuyến du lịch trên Sông Bình Bá	Đập Tam Giang	Cửa Tiên Châu	8,5
5	Tuyến du lịch trên Sông Tam Giang	Vịnh Xuân Đài	Đập Tam Giang (Tx.Sông Cầu)	2,5
6	Tuyến du lịch trên Sông Chùa	Ngọc Lãng	Đền thờ Lương Văn Chánh, Phú Hòa	12
7	Tuyến vận tải khách qua Sông Ba	Hòa Quạt, Sơn Thành Đông, Tây Hòa	Hòa Định Tây, Phú Hòa	1
8	Tuyến vận tải khách qua Sông Ba	Buôn Hóc, Sơn Hòa	Buôn Hóc, Sông Hinh	1
9	Tuyến du lịch tham quan trên Đầm Ô Loan	An Cư - An Hải - An Ninh Đông		25

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

TT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)
III	Tuyến đường thủy nội địa ven bờ biển			125
1	Vũng Rô - Bãi Môn	Cảng Vũng Rô	BDL Bãi Môn	15
2	Bãi Môn - Cửa Đà Nông	BDL Bãi Môn	Cảng Phú Lạc	10
3	Cửa Đà Nông - Cửa Đà Diễn	Cảng Phú Lạc	BDL phường 6	20
4	Cửa Đà Diễn - Long Thủy	BDL phường 6	BDL Long Thủy	10
5	Long Thủy - Gành Đá Đĩa	BDL Long Thủy	Gành Đá Đĩa	25
6	Gành Đá Đĩa - Vịnh Xuân Đài	Gành Đá Đĩa	Cảng Tiên Châu	5
7	Vịnh Xuân Đài - Đầm Cù Mông	Cảng Tiên Châu	BDL Hòa Lợi	20
8	Đầm Cù Mông - bãi biển Xuân Hải	BDL Hòa Lợi	Bãi biển Xuân Hải	15
9	Bãi biển Xuân Hải - Bãi biển Bãi Bàng	Bãi biển Xuân Hải	Bãi biển Bãi Bàng	5
IV	Tuyến đường thủy nội địa từ bờ ra đảo			22
1	Phước Đồng (An Hải) - Cù Lao Mái Nhà	Bến DL An Hải	Cù Lao Mái Nhà	5
2	Long Thủy - Hòn Chùa - Hòn Dứa	Long Thủy	Hòn Chùa	4
3	Hòn Chùa - Cù Lao Mái Nhà	Hòn Chùa	Cù Lao Mái Nhà	10
4	Long Thủy - Hòn Chùa - Tp. Tuy Hòa	Bến DL phường 6	Bến DL Long Thủy	3
V	Tuyến đường thủy nội địa nội khu			105
1	Tuyến đường thủy trên vịnh Vũng Rô	Kết nối Khu di tích lịch sử tàu không số - Hòn Nưa - Bãi Chính		20

TT	Tên tuyến	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)
2	Tuyến đường thủy trên vịnh Xuân Đài	Kết nối các khu Nhất Tự Sơn - Cù Lao Ông Xá - cồn Đám Cả - khu Nuôi trồng thủy sản		45
3	Tuyến đường thủy trên đầm Cù Mông	Kết nối các khu vực nuôi trồng thủy sản, các điểm du lịch Bãi Tràm, bãi Từ Nham, Vịnh Hòa,		40
B	Tuyến đường thủy khu vực phía Tây			99
1	Tuyến Cầu Phà - Buôn Kuốp (sông Krông Ana)	Cầu Phà, xã Krông Ana	Buôn Kuốp, xã Ea Na	10
2	Tuyến Buôn Trấp - Giang Sơn (sông Krông Ana)	Buôn Trấp, xã Krông Ana	Cầu Giang Sơn	45
3	Tuyến Buôn Trấp - Krông Nô (sông Krông Nô)	Buôn Trấp, xã Krông Ana	Krông Nô	25
4	Tuyến Quỳnh Ngọc - Krông Nô (sông Krông Nô)	Bến cát Quỳnh Ngọc	Krông Nô	19

III. DANH MỤC BẾN, CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên bến, cảng	Vị trí	Cỡ tàu lớn nhất	Công suất
A	Cảng, bến thủy nội địa khu vực phía Đông			
I	Cảng, bến hàng hóa		Tấn	Nghìn Tấn /năm
1	Cảng Vũng Rô	Vịnh Vũng Rô	10.000 tấn	1.500
2	Cảng Hòa Phú	Bãi Xuân Cảnh	1.000 tấn	500
3	Cảng Hòa Hiệp	Bãi Biển Hòa Hiệp Trung	1.000 tấn	500
II	Cảng, bến hành khách		Ghế	Nghìn HK/năm
1	Bến thủy nội địa Long Thủy	Bãi Long Thủy	200	10
2	Cảng phường 6	Cửa biển Đà Diễn	200	10

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

TT	Tên bến, cảng	Vị trí	Cỡ tàu lớn nhất	Công suất
3	Bến thủy nội địa Ngọc Lãng	Phường Tuy Hòa	50	10
4	Bến thủy nội địa Xuân Lộc	Vịnh Xuân Đài	100	10
5	Bến thủy nội địa Bãi Tràm	Bãi Tràm	100	10
6	Bến thủy nội địa Hòa Lợi	Bãi biển Hòa Lợi	100	10
7	Bến thủy nội địa thôn 2 - Xuân Hải	Bãi Rạn - Hòa Lợi	100	10
8	Cầu cảng Hòa Phú	Biển Xuân Hòa	100	10
9	Bến thủy nội địa Vịnh Hòa (gắn với phân khu du lịch Bắc Từ Nham)	Bãi biển Vịnh Hòa	100	10
10	Bến thủy nội địa Từ Nham (gắn với phân khu du lịch cao cấp Nam Từ Nham)	Bãi biển Từ Nham	100	10
11	Bến thủy nội địa Phú Dương	Đầm Cù Mông	100	10
12	Bến thủy nội địa Vũng Chào	Vịnh Xuân Đài	100	10
13	Bến thủy nội địa Mỹ Hải	Vịnh Xuân Đài	100	10
14	Cầu cảng du lịch Vũng Lắm	Vịnh Xuân Đài	100	10
15	Bến thủy nội địa Cù lao Ông Xá	Vịnh Xuân Đài	100	10
16	Bến thủy nội địa Lệ Uyên Đông	Vịnh Xuân Đài	100	10
17	Bến thủy nội địa Phước Lý	Vịnh Xuân Đài	100	10
18	Bến thủy nội địa Long Hải Nam	Vịnh Xuân Đài	100	10
19	Bến thủy nội địa Vịnh Xuân Đài	Vịnh Xuân Đài	100	10
20	Bến thủy nội địa trên sông Tam Giang	Sông Tam Giang	100	10
21	Bến thủy nội địa bãi Nôm	Bãi biển Bãi Nôm	200	10
22	Bến thủy nội địa bãi Ôm	Bãi biển Bãi Ôm	200	10
23	Bến thủy nội địa bờ kè Xuân Hải	Đầm Cù Mông	100	10
24	Cảng Vũng Rô	Vịnh Vũng Rô	200	10

TT	Tên bến, cảng	Vị trí	Cỡ tàu lớn nhất	Công suất
25	Bến thủy nội địa Bãi Chính	Vịnh Vũng Rô	100	10
26	Bến thủy nội địa khu di tích Tàu Không Số	Vịnh Vũng Rô	100	10
27	Bến thủy nội địa Bãi Môn	Biển Phú Yên	100	10
28	Bến thủy nội địa Hòn Nưa	Biển Phú Yên	100	10
29	Bến Thủy nội địa KDL Euro park	Bãi Ngà	150	10
30	Bến TND khu du lịch nghỉ dưỡng Hòn Nưa (trên bờ)	Vịnh Vũng Rô	100	10
31	Bến thuyền du lịch đầm Ô Loan	Đầm Ô Loan	100	10
32	Bến thuyền du lịch tại cầu Long Phú	Đầm Ô Loan	100	10
33	Bến thuyền du lịch Cù lao Mái Nhà	Cù Lao Mái Nhà	100	10
34	Bến thuyền du lịch An Hải	Bãi Biển An Hải	100	10
35	Bến thuyền du lịch Bãi Xếp	Bãi biển Bãi Xếp	200	10
36	Bến thuyền du lịch trên đảo Hòn Chùa	Hòn Chùa	200	10
37	Bến thuyền du lịch trên sông tại cầu Lò Gốm	Cầu Lò Gốm (sông Kỳ Lộ)	50	5
38	Bến chợ nổi Phú Sơn	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	150	10
39	Bến tàu du lịch khu nghỉ dưỡng Đầm Ô Loan	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	50	10
40	Bến tàu du lịch An Hải	Cửa thông thủy Đầm Ô Loan	150	10
41	Bến tàu du lịch Wonderland Phú Yên	Biển Đông	200	10
42	Bến tàu du lịch Đầm Ô Loan	Đầm Ô Loan	50	10
43	Bến thủy nội địa hồ Đồng Tròn	Hồ Đồng Tròn	50	10
44	Bến khách ngang sông Ba	Sông Ba (xã Sơn Thành)	50	5

TT	Tên bến, cảng	Vị trí	Cỡ tàu lớn nhất	Công suất
45	Bến thủy nội địa trên sông Bàn Thạch (cầu Bến Cui)	Cầu Bến Cui (Hòa Thịnh)	50	5
46	Bến thủy nội địa khu Hòa Trị	Đền thờ Lương Văn Chánh	50	5
47	Bến thủy nội địa Đồng Cam	Đập Đồng Cam	50	5
48	Bến khách ngang sông Ba	Xã Phú Hòa 1	50	5
49	Bến thủy nội địa Hòa An	Phường Tuy Hòa	50	5
50	Bến thủy nội địa hồ Sen	Hồ Sen	50	5
51	Bến thủy nội địa hồ Kỳ Châu	Hồ Kỳ Châu	50	5
52	Bến thủy nội địa hồ Phú Xuân	Hồ Phú Xuân	50	5
53	Bến khách ngang sông Ba	Xã Suối Trai	50	5
54	Bến thủy nội địa hồ Suối Bùn	Hồ suối Bùn	50	5
55	Bến khách ngang sông Ba	Xã Ea Ly	50	5
56	Bến thủy nội địa hồ thủy điện sông Hinh	Hồ thủy điện sông Hinh	50	5
III	Khu neo đậu tàu			
1	Khu neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ CHQS	Phường Hòa Hiệp		
B	Cảng, bến thủy nội địa khu vực phía Tây			
I	Bến đò ngang sông		Phát triển theo điều kiện tại khu vực và năng lực nhà đầu tư	
1	Bến Bình Hòa	Xã Krông Ana		
2	Bến Krông Nô	Xã Krông Nô		
3	Bến Quảng Điền	Xã Krông Ana		
II	Bến đò ngang kết hợp đò dọc			
1	Bến Buôn Tráp	Xã Krông Ana		
2	Bến Quỳnh Ngọc	Xã Ea Na		
III	Bến cát			
1	Bến cát Quỳnh Ngọc	Xã Ea Na		
2	Bến cát Giang Sơn	Xã Hòa Sơn		

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nêu trên phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới của các dự án, công trình nêu trên được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch đô thị và nông thôn/ lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các dự án, công trình khác ngoài các danh mục nêu trên được triển khai thực hiện căn cứ vào quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành/ quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan. Trong đó:

+ Xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành/ quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật.

+ Hệ thống bến thủy nội địa được định hướng theo nguyên tắc linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vị trí, quy mô cụ thể sẽ được xác định trong các đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn từng địa phương.